

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công nghiệp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam tại văn bản số 02/GPMT/2023 ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Công ty trách nhiệm hữu hạn Nikkiso Việt Nam (Nhà máy sản xuất, lắp ráp và xuất khẩu bộ ống dây dùng cho máy lọc thận nhân tạo, công suất 24.000.000 sản phẩm/năm)” tại Khu C, lô Q – 23 – 24 – 25a – 25b – 26 – 27 – 28 – 29 – 30, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 27 tháng 7 năm 2023.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam, địa chỉ tại Khu C, lô Q – 23 – 24 – 25a – 25b – 26 – 27 – 28 – 29 – 30, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với dự án “Công ty trách nhiệm hữu hạn Nikkiso Việt Nam (Nhà máy sản xuất, lắp ráp và xuất khẩu bộ ống dây dùng cho máy lọc thận nhân tạo, công suất 24.000.000 sản phẩm/năm)” địa chỉ tại Khu C, lô Q – 23 – 24 – 25a – 25b – 26 – 27 – 28 – 29 – 30, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu C, lô Q – 23 – 24 – 25a – 25b – 26 – 27 – 28 – 29 – 30, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0300668084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 04 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4312436434 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 3 năm 1996, chứng nhận thay đổi lần thứ tám vào ngày 15 tháng 07 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0300668084.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất trang thiết bị y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án: 21.867,5m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: sản xuất, lắp ráp và xuất khẩu bộ ống dây dùng cho máy lọc thận nhân tạo với quy mô công suất 24.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 7.200 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam;
- UBND TPHCM;
- Sở TN&MT TPHCM;
- UBND Quận 7;
- Công ty TNHH Tân Thuận;
- Lãnh đạo Ban;
- Công thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, PQLMT, Th 12.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Trục



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ lavabo rửa tay, vệ sinh văn phòng; nước thải từ nhà bếp sau khi qua bể tách dầu mỡ; nước thải từ phòng thí nghiệm, từ giặt trang phục bảo hộ lao động được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 230 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại hố ga số 233 trên đường số 19.

- Nước thải từ công đoạn giải nhiệt sản phẩm tại máy đúc ép, đùn nhựa được giải nhiệt bằng máy làm lạnh nước sau đó quay lại tái sử dụng cùng với lượng nước châm mới hàng ngày, định kỳ 1 tuần sẽ tiến hành thay mới, toàn bộ lượng nước thải bỏ này được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại hố ga số 233 trên đường số 19.

- Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp RO, nước ngưng tụ từ máy nén khí được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại hố ga số 233 trên đường số 19.

- Nước thải tiết trùng sản phẩm, nước làm mát máy bơm hút chân không của máy tiết trùng được thu gom đưa qua tháp giải nhiệt để giảm nhiệt độ của nước trước khi dẫn ra đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại hố ga số 231 trên đường số 18.

- Nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại 02 hố ga đầu nối trên đường số 19 và đường số 18, có tọa độ:

+ Hố ga 233 trên đường số 19: X = 1190434, Y = 608295;

+ Hố ga 231 trên đường số 18: X = 1190605; Y = 608371.





(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 03 bể.
- Tổng dung tích: $243,24 \text{ m}^3$.
- Kích thước:
 - + 01 bể tự hoại tại xưởng sản xuất: $11\text{m} \times 4,3\text{m} \times 3,8\text{m}$.
 - + 01 bể tự hoại tại khu văn phòng: $5\text{m} \times 3\text{m} \times 3,3\text{m}$.
 - + 01 bể tự hoại tại khu tiết trùng, nhà kho: $2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 2,8\text{m}$.

1.2.2. Bể tách mỡ (nước thải nhà ăn).

- Số lượng: 01 bể;
- Dung tích: $2,2 \text{ m}^3$.
- Kích thước: $1,8\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,2\text{m}$.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể sinh học hiếu khí (bể Aerotank) $\rightarrow$ Bể lọc sinh học bằng màng (bể MBR) $\rightarrow$ Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận (một phần nhỏ được bơm về bể chứa nước rửa màng). Bùn phát sinh trong quá trình xử lý nước thải một phần tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí, phần còn lại được bơm về bể chứa bùn.
- Công suất thiết kế: $230 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Hoá chất sử dụng: NaOH, Mật rỉ đường, Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.
- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Bố trí nhân viên quản lý vận hành trạm xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm

bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng và lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.
- Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó Công ty sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt không cần thiết, có giải pháp thu gom và liên hệ Công ty TNHH Tân Thuận để được hỗ trợ xử lý, không để nước thải chảy ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 3 tháng từ tháng 8 năm 2023.

2.2. Công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 230 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: tại vị trí bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.
- Đầu ra: tại đường ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý tại hố ga đầu nối số 233 trên đường số 19.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, Amoni.
- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu chế xuất Tân Thuận, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận.



3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. 



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **20** /GPMT-BQL ngày **28** tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Các nguồn khí thải thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý, cụ thể:

- Khí thải, nhiệt thừa từ các máy đun ống nhựa được thu gom và thoát ra môi trường qua 02 ống thải cao khoảng 5m với tổng lưu lượng thải là 6.800 m³/giờ;
- Khí thải từ công đoạn dùng keo gắn kết linh kiện nhựa được thu gom thoát ra môi trường qua 05 ống thải cao khoảng 5m và 04 ống thải cao khoảng 10m;
- Khí thải, nhiệt thừa từ 06 lò hơi công suất 01 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu LPG được thu gom và thoát qua 06 ống thải cao 8m;

Đối với các nguồn khí thải này, chủ dự án phải thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, thoát khí thải, đảm bảo chất lượng khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

3.2 Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ hoạt động của các máy đúc ép, máy đùn ống tại khu vực xưởng đúc chi tiết nhựa, đùn ống nhựa 1.
- Nguồn số 02: từ hoạt động của các máy đúc ép, máy đùn ống tại khu vực xưởng đúc chi tiết nhựa, đùn ống nhựa 2.
- Nguồn số 03: từ hoạt động của các máy xay tái chế phế phẩm nhựa.
- Nguồn số 04: từ hoạt động của hệ thống máy tiết trùng và sấy sản phẩm.
- Nguồn số 05: từ hoạt động của các lò hơi.
- Nguồn số 06: từ hoạt động của các máy nén khí
- Nguồn số 07: từ hoạt động của phòng máy điều hòa không khí trung tâm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1190509,4123; Y = 608281,6254.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1190482,9726; Y = 608246,8189.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1190520,2153; Y = 608269,9963.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1190565,9671; Y = 608358,8828.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1190568,5645; Y = 608341,1550.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1190574,0121; Y = 608281,1977.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1190561,1220; Y = 608331,5537.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	 Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. 



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 28 tháng 7 năm 2023 của
Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Thành phần chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối (kg/năm)
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	2.000
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	620
3	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	Rắn	10
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	680
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	600
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	65
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai lọ thủy tinh đựng hóa chất phòng thí nghiệm thải)	18 01 04	Rắn	10
8	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) - keo và cặn keo dán thải chứa dung môi hữu cơ	08 03 01	Lỏng	860
9	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	5
10	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	11 06 01	Rắn	40
11	Bóng đèn led	16 01 13	Rắn	100
12	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	40
13	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	500
	Tổng cộng			5.530

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Thành phần chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Phế liệu nhựa (sản phẩm hư hỏng, nhựa cứng, bao bì nhựa không nhiễm thành phần nguy hại,...)	Rắn	214.000
2	Phế liệu kim loại	Rắn	400
3	Giấy, carton các loại	Rắn	132.000
4	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	63.000
5	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Lỏng	1.500
6	Trang phục bảo hộ lao động hư hỏng (quần áo, giày bảo hộ lao động)	Rắn	1.500
7	Pallet nhựa	Rắn	700
8	Pallet gỗ	Rắn	3.600
	Tổng khối lượng		416.700

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 52 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy có nắp đậy và bao PE chứa riêng đối với từng loại chất thải, có dán mã chất thải. Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn của hệ thống đợi chuyển giao.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa CTNH: 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường xây gạch, nền được tráng xi măng chống thấm, mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; trong kho được trang bị các khay sắt có gờ chống tràn nhằm ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, dầu nhớt; có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: bao PP, PE chứa riêng đối với từng loại chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 60,88m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho lưu chứa có kết cấu tường gạch kết hợp lưới B4 có bao phủ bạt nhựa, mái tôn kiên cố đảm bảo che kín nắng, mưa; nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm và có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 11m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: 01 nhà kho diện tích 5m² có kết cấu tường gạch, mái tôn kiên cố đảm bảo che kín nắng, mưa; nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm; 01 khu vực có diện tích 6m² nằm gần nhưng bên ngoài nhà kho, khu vực này có nền bê tông chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 02/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.
5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /

